

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Mẫu số B 01 - HN

TÀI SẢN	Mã	TM	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		239,156,351,731	222,211,508,476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	52,739,310,706	42,885,892,479
1. Tiền	111		15,881,573,952	3,896,259,432
2. Các khoản tương đương tiền	112		36,857,736,754	38,989,633,047
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51,412,502,411	75,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	51,412,502,411	75,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		121,008,215,685	89,695,735,182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	58,629,044,683	86,661,183,493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,758,593,179	2,168,529,295
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn khác	136	V.5	59,472,468,109	4,449,642,186
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(3,851,890,286)	(3,583,619,792)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138			
IV. Hàng tồn kho	140		10,760,940,293	10,293,322,445
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10,760,940,293	10,293,322,445
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,235,382,636	4,336,558,370
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	418,164,499	543,738,356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		817,218,137	3,792,820,014
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,000,000,000	

H. H. M. S. N.

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - HN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		375,891,201,841	395,807,802,611
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	211		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		370,585,762,739	389,981,568,706
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	370,585,762,739	389,981,568,706
- Nguyên giá	222		568,660,333,664	559,615,013,271
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(198,074,570,925)	(169,633,444,565)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		311,989,714	311,989,714
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(311,989,714)	(311,989,714)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,005,103,034	1,387,869,199
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	2,005,103,034	1,387,869,199
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,300,336,068	4,438,364,706
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2,482,112,668	3,847,207,266
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	818,223,400	591,157,440
3. Thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		615,047,553,572	618,019,311,087

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - HN

(Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		128,705,879,295	147,394,615,962
I. Nợ ngắn hạn	310		128,705,879,295	147,394,615,962
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	45,710,607,288	76,581,457,321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	3,013,866,790	5,124,760,782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	585,814,609	3,350,842,276
4. Phải trả người lao động	314		9,982,871,538	20,299,660,783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	39,236,710,356	16,323,545,133
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.18	22,292,090,622	21,975,710,393
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	20,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1,859,642,559	1,621,299,719
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	6,024,275,533	2,097,339,555
13. Quỹ bình ổn giá				
14. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ				
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			

TỔNG CÔNG TY CP DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA
 Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - HN
 (Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		486,341,674,277	470,624,695,125
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	486,341,674,277	470,624,695,125
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400,000,000,000	400,000,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24,762,484,050	24,762,484,050
9. Quỹ dự phòng tài chính	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61,579,190,227	45,862,211,075
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		38,982,879,414	45,862,211,075
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22,596,310,813	
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
E - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		615,047,553,572	618,019,311,087

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
 Phụ trách kế toán



Lê Văn Nga
 Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 QUÝ 3 NĂM 2016**

Mẫu số B 02 - DN
 ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3 năm 2016	Quý 3 năm 2015	Lũy kế năm 2016	Lũy kế năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	101,821,778,282	209,427,864,799	316,585,332,341	605,749,806,900
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		101,821,778,282	209,427,864,799	316,585,332,341	605,749,806,900
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90,936,505,498	184,154,631,659	280,795,024,010	529,969,737,279
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10,885,272,784	25,273,233,140	35,790,308,331	75,780,069,621
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	809,702,726	369,506,909	3,857,613,664	620,782,956
7. Chi phí tài chính	22		690,438	110,791,506	1,990,406	325,949,151
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	6,095,573,413	12,859,040,323	15,450,744,175	23,731,522,406
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,598,711,659	12,672,908,220	24,195,187,414	52,343,381,020
11. Thu nhập khác	31	VI.5	61,038,968	-	61,486,883	5,379,422

Báo cáo này phải được đọc đồng thời với thuyết minh Báo cáo tài chính từ trang 17 đến trang 18

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

ĐỊA CHỈ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo TT số 200/2014/TT -BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

12. Chi phí khác	32		51,137,497	-	155,792,422	1,132,438
13. Lợi nhuận khác	40		9,901,471	-	(94,305,539)	4,246,984
14 Lợi nhuận công ty liên doanh, liên kết					-	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,608,613,130	12,672,908,220	24,100,881,875	52,347,628,004
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	243,209,518	778,827,030	1,731,637,022	2,921,825,135
17 Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	40,978,013	-	(227,065,960)	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5,324,425,599	11,894,081,190	22,596,310,813	49,425,802,869
Phân phối cho: - Cổ đông của Tổng công ty					-	-
- Lợi ích của cổ đông thiểu số					-	-
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70		0		-	-

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
Phụ trách kế toán



Lê Văn Nga
Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NA
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

Địa chỉ : Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIÁN TIẾP
QUÝ 3 NĂM 2016**

Mẫu số B 03 - DN/HN
ĐVT: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số TM	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24,100,881,875	39,674,719,784
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	28,441,126,360	16,145,922,330
Các khoản dự phòng	03	268,270,494	856,056,257
Lãi, lỗ thanh lý tài sản cố định	04	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	-	(2,451,386)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(3,859,604,070)	(248,824,661)
Chi phí lãi vay	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48,950,674,659	56,425,422,324
(Tăng) các khoản phải thu	09	(28,605,149,120)	(16,741,521,516)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(467,617,848)	(537,735,929)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(12,197,941,386)	70,845,821,010
Tăng, giảm chi phí trích trước	12	1,490,668,455	(548,346,603)
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4,434,643,935)	(346,244,827)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4,952,395,683)	(4,033,615,774)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(216,404,858)	105,063,778,685
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(17,377,278,574)	(14,940,835,641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	63,587,497,589	610,000,000
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3,859,604,070	248,824,661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10,069,823,085	(14,082,010,980)

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	34		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9,853,418,227	90,981,767,705
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	42,885,892,479	14,065,477,429
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	2,451,386
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	52,739,310,706	105,049,696,520

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
 Người lập



Nguyễn Hữu Hoan
 Phụ trách Kế toán



Lê Văn Nga
 Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PTSC”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 430 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 447 người).

2. Hoạt động chính :

- Quản lý, điều hành, kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Kinh doanh các dịch vụ cảng; Logistics
- Vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hoá;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước;
- Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- Chế tạo, sửa chữa và bảo dưỡng cơ khí;
- Cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, đại lý tàu biển;
- Cung cấp dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn, cung cấp dịch vụ hạ thủy; nâng hạ nặng, dịch vụ càn.
- Kinh doanh nhiên liệu, xăng dầu, mỡ bôi trơn và các sản phẩm dầu khí;
- Kinh doanh phân đạm và hoá chất phục vụ nông nghiệp./.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

- Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ bảy của Doanh nghiệp.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Doanh nghiệp áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Doanh nghiệp sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận : Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị : Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối mỗi tháng.
- Phương pháp hạch toán : Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận : Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí khác trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao : Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định dựa trên thời gian thực tế có thể khai thác và theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư.
- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.
- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay :

- Nguyên tắc ghi nhận : Chi phí đi vay là lãi tiền vay và chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay sẽ được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi đáp ứng đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt nam số 16 " Chi phí đi vay". Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ : Trong trường hợp phát sinh khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đi điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh do việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của khoản vay chưa trả trong kỳ. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán bao gồm các khoản chi phí về công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm tài sản, ...

- Chi phí khác : Là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, ngoài trừ các khoản chi phí đã nêu trên.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại : Lợi thế thương mại được ghi ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu có giá trị nhỏ hoặc được phân bổ dần một cách có hệ thống trong suốt thời gian hữu dụng ước tính nếu có giá trị lớn. Thời gian sử dụng hữu ích phải phải thể hiện được ước tính đúng đắn về thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Công ty nhưng tối đa không quá 10 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên dự toán chi phí hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ. Cuối kỳ kế toán năm, các khoản chi phí phải trả phải được quyết toán với chi phí thực tế phát sinh.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận sau thuế được để lại tại đơn vị.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng : Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính : Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay và cho vay vốn, chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện, ... Chi phí tài chính được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh và có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
- Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

- Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác :

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính trong năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	392,803,961	592,722,428
- Tiền gửi ngân hàng	15,488,769,991	3,303,537,004
- Các khoản tương đương tiền	36,857,736,754	38,989,633,047
Cộng	52,739,310,706	42,885,892,479

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	51,412,502,411	51,412,502,411	75,000,000,000	75,000,000,000
Cộng	51,412,502,411	51,412,502,411	75,000,000,000	75,000,000,000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
3. Phải thu khách hàng		
Phải thu khách hàng có số dư trên 10% tổng dư nợ	7,699,280,190	17,898,893,780
- Công ty TNHH TATSUMI Việt Nam	-	17,898,893,780
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	-	8,033,292,199
- Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	7,699,280,190	-
Phải thu khách hàng khác	17,685,851,917	28,071,251,600
Phải thu khách hàng các bên liên quan	33,243,912,576	40,691,038,113
Các bên liên quan cùng Tổng PTSC	33,186,821,476	40,500,136,468
- Tổng công ty PTSC	17,856,883,466	24,773,825,639
- Công ty Cơ khí Hàng Hải	2,817,065,313	9,177,642,606
- Công ty dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi	9,847,884,324	2,793,102,735
- CN Tổng công ty PTSC - Ban dự án nhiệt điện Long Phú	2,664,988,373	2,897,565,488
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	858,000,000
Các bên liên quan cùng Tập đoàn	57,091,100	190,901,645
- Cty cổ phần phân bón và hóa chất Dầu khí	57,091,100	190,901,645
Cộng	58,629,044,683	86,661,183,493

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn và Sáng tạo Thương hiệu Sao Kim	19,800,000	19,800,000
Công ty CP Vật tư thiết bị Vietship	4,399,125,000	-
Công ty Cổ Phần công nghiệp môi trường 9 - URENCO 9	573,000,000	-
Công ty TNHH Tư Vấn Đại Học Xây Dựng	-	15,795,000
Hộ Kinh doanh Cá thể Hoàng Văn Tín	42,872,200	42,782,200
Công ty TNHH D&G Miền Bắc	530,270,242	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	-	1,033,200,000
Công ty CP Thiết Bị Công Nghiệp Mai Dương	-	359,846,550
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	593,222,308	-
CN Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại	163,112,452	312,192,932
Công ty TNHH Trục Vớt Vietship Thành Công	-	245,747,613
Công ty TN HH Khí Công Nghiệp Việt Nhật	-	68,000,000
Công ty Cổ Phần Thép Công Nghiệp Hà Nội	326,081,058	-
Cty CP Thương Mại Tư Vấn & Đầu Tư Xây Dựng Đường Thủy	40,000,000	40,000,000
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải AA	28,412,305	-
Công ty TNHH Dịch Vụ TM Vận Tải Thăng Long CONTAINER	-	31,000,000
Người bán khác	42,697,614	165,000
Cộng	6,758,593,179	2,168,529,295

5. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền thưởng Tết năm 2010	16,418,453	-	16,418,453	-
- Phải thu Ban giải phóng mặt bằng huyện Tĩnh Gia	20,000,000	-	20,000,000	-
- Phải thu của NLD	60,374,676	-	66,622,476	-
- Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	1,825,499,038	-	1,195,750,843	-
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	49,669,268,319	-	579,982,277	-
- CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự	1,622,362,984	-	1,833,309,840	-
- Công ty TNHH TATSUMI Việt Nam	74,455,714	-	-	-
- Công ty TNHH Lộc Hóa Dầu Nghi Sơn	150,390,115	-	138,426,755	-
- Công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	180,685,230	-	-	-
- Phải thu Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3,576,229,377	-	-	-
Công ty TNHH Thanh Hòa	1,711,012,130	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	268,772,073	-	-	-
- Công ty Ben line Agencies	-	-	599,131,542	-
- Phải thu khoản tạm ứng của CBCNV	297,000,000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	-
Cộng	59,472,468,109	-	4,449,642,186	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(3,851,890,286)	(3,583,619,792)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến 1 năm	-	(411,931,503)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến 02 năm	(1,357,031,442)	(1,266,778,388)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến 03 năm	(583,873,817)	(67,125,748)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	(1,910,985,027)	(1,837,784,153)
Cộng	(3,851,890,286)	(3,583,619,792)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu	1,450,226,602	-	1,362,722,883	-
- Công cụ, dụng cụ	1,487,644,562	-	892,741,264	-
- Chi phí SX KD dở dang ngắn hạn	7,823,069,129	-	8,037,858,298	-
Cộng	10,760,940,293	-	10,293,322,445	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
	Phí bảo hiểm các loại	101,772,927	609,882,649	478,901,734
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	441,965,429	519,853,313	776,408,085	185,410,657
Cộng	543,738,356	1,129,735,962	1,255,309,819	418,164,499

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	496,598,356,153	48,231,229,167	9,567,455,931	2,977,543,158	2,240,428,862	559,615,013,271
Tăng trong kỳ	220,180,682	5,180,944,090	2,654,060,000	937,702,727	52,432,894	9,045,320,393
- Nhận từ PTSC						-
- Mua sắm mới	-	5,180,944,090	2,654,060,000	937,702,727	52,432,894	8,825,139,711
- Đầu tư XD hoàn thành	220,180,682					220,180,682
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Điều chuyển tài sản nội bộ Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác						-
Số dư tại ngày 30/09/2016	496,818,536,835	53,412,173,257	12,221,515,931	3,915,245,885	2,292,861,756	568,660,333,664
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12,787,724,995	1,826,755,127	1,439,943,203	1,209,616,975	209,799,943	17,473,840,243
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	143,377,132,516	19,165,345,789	4,082,868,046	1,834,873,346	1,173,224,868	169,633,444,565
Tăng trong kỳ	23,210,100,936	3,290,243,361	1,109,243,103	704,709,436	126,829,524	28,441,126,360
- Khấu hao trong kỳ	23,210,100,936	3,290,243,361	1,109,243,103	704,709,436	126,829,524	28,441,126,360
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác						-
Số dư tại ngày 30/09/2016	166,587,233,452	22,455,589,150	5,192,111,149	2,539,582,782	1,300,054,392	198,074,570,925
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	353,221,223,637	29,065,883,378	5,484,587,885	1,142,669,812	1,067,203,994	389,981,568,706
Số cuối kỳ	330,231,303,383	30,956,584,107	7,029,404,782	1,375,663,103	992,807,364	370,585,762,739

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Số đầu kỳ	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2016	-	-	-	311,989,714	311,989,714
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	311,989,714	-
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế đến 30/06/2016	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số đầu kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang:	2,005,103,034	1,387,869,199
- Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	35,164,242	35,164,242
- Công trình nhà son di động	1,052,367,241	853,599,059
- Công trình Bến nổi dài bến số 2	267,196,807	126,378,625
- Công trình nâng cấp công Cảng	650,374,744	372,727,273
Cộng	2,005,103,034	1,387,869,199

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Chi phí cần phân bổ	3,847,207,266	1,083,175,606	2,448,270,204	2,482,112,668
Cộng	3,847,207,266	1,083,175,606	2,448,270,204	2,482,112,668

13. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	16,364,468,001	11,823,148,802
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	818,223,400	591,157,440

14. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số khả năng trả nợ	Giá trị	Số khả năng trả nợ
Phải trả khách hàng có số dư trên 10% trên tổng nợ phải trả	17,421,330,608	17,421,330,608	26,805,513,301	26,805,513,301
- Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại VINCOMAT	893,968,050	893,968,050	15,034,963,093	15,034,963,093
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	6,643,247,331	6,643,247,331	-	-
- Công ty TNHH TD Marine	5,011,431,588	5,011,431,588	671,693,231	671,693,231
- Công ty TNHH Giao nhận Vận tải và Đại lý Hải quan Thanh Hóa	4,871,661,741	4,871,661,741	3,482,086,762	3,482,086,762
- Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S	1,021,898	1,021,898	7,616,770,215	7,616,770,215
Phải trả cho khách hàng khác	22,501,004,737	22,501,004,737	44,647,035,531	44,647,035,531
Phải trả người bán các bên liên quan	5,788,271,943	5,788,271,943	5,128,908,489	5,128,908,489
Các bên liên quan cùng Tổng PTSC	610,853,823	610,853,823	549,827,309	549,827,309
- Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	27,979,797	27,979,797	482,796,685	482,796,685
- Khách sạn dầu khí	6,200,039	6,200,039	2,968,349	2,968,349
- CN Tổng Cty CP DVKT DK VN - Cty Dịch Vụ Dầu Khí Đà Nẵng	534,957,447	534,957,447	-	-
- Cty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí VN - CN Nghi Sơn	41,716,540	41,716,540	64,062,275	64,062,275
Các bên liên quan cùng Tập đoàn	5,177,418,120	5,177,418,120	4,579,081,180	4,579,081,180
- Công ty CP Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	3,998,659,653	3,998,659,653	4,493,860,634	4,493,860,634

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Công ty Cổ phần Khách Sạn Lam Kinh	-	-	85,073,946	85,073,946
- CN Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại	1,178,611,867	1,178,611,867	-	-
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	146,600	146,600	146,600	146,600
Cộng	45,710,607,288	45,710,607,288	76,581,457,321	76,581,457,321

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nova Carriers (Singapore) Pte. Ltd	234,827,107	1,571,681,099
Công ty Hyundai Heavy Industries Co.,LTD Hàn Quốc TP TH GTP	980,039,486	887,112,486
Công ty TNHH Thoresen Vinama	-	586,999,997
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Hà Thanh	521,750,056	521,750,056
SINOSHIPPING LOGISTICS (KH)	350,738,550	350,738,550
Công ty Cổ Phần LILAMA 18	249,915,587	249,915,587
Công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	-	200,000,000
Công ty CP thi công cơ giới và Dịch vụ	150,000,000	150,000,000
TRELLEBORG MARINE SYSTEMS MELBOURNE PTY.Ltd.	-	111,649,974
Công ty Cổ Phần Hàng Hải MACS	-	104,942,357
Công ty TNHH Đại lý và Môi giới Vận tải biển Quốc tế	159,866,870	-
Người mua khác	366,729,134	389,970,676
Cộng	3,013,866,790	5,124,760,782

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
-Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,246,506,588	1,731,637,022	4,434,643,935	543,499,675
-Thuế giá trị gia tăng	-	2,573,602,244	2,573,602,244	-
-Thuế thu nhập cá nhân	104,335,688	708,438,360	770,459,114	42,314,934
-Tiền thuế đất	-	-	-	-
-Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
Cộng	3,350,842,276	5,016,677,626	7,781,705,293	585,814,609

Thuế giá trị gia tăng

Doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng loại dịch vụ phù hợp theo qui định.

Thuế xuất, nhập khẩu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập cá nhân

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Thuế nhà thầu

Doanh nghiệp kê khai và nộp theo qui định.

Các loại thuế khác

17. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí kiểm toán	-	101,000,000
- Chi phí phải trả khác	13,000,000,000	10,000,000,000
- Chi phí phải trả về các dịch vụ mua ngoài	26,236,710,356	6,222,545,133
Cộng	39,236,710,356	16,323,545,133

18. Phải trả nội bộ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả Tổng công ty về tài sản	21,975,710,393	20,906,619,575
- Phải trả công nợ phát sinh trong kỳ	316,380,229	1,069,090,818
Cộng	22,292,090,622	21,975,710,393

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	273,698,781	281,200,414
- Phải trả về ăn ca và các khoản khác tháng 9/2016 cho cán bộ CBNV	325,940,702	322,990,377
- Công đoàn Tổng công ty	-	85,136,750
- BHXH huyện Tĩnh Gia	451,195,772	5,535,553
- Đảng bộ Công ty CP Cảng Dịch Vụ Dầu Khí Tổng Hợp PTSC Thanh Hóa	54,193,082	32,914,832
- Phải trả khác	754,614,222	893,521,792
Cộng	1,859,642,559	1,621,299,718

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do TCT cấp	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,097,339,555	6,879,331,661	-	2,952,395,683	6,024,275,533
Cộng	2,097,339,555	6,879,331,661	-	2,952,395,683	6,024,275,533

21. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính : triệu đồng

Khoản mục	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2015	400,000	-	573	9,172	17,668	427,413
Tăng trong năm	-	-	-	15,590	45,862	61,452
Lãi trong năm nay					45,862	45,862
Phân phối lợi nhuận			-	15,017		15,017
Tăng khác				573		573
Giảm trong năm	-	-	573	-	17,668	18,241
Chia cổ tức						-
Trích lập các quỹ					17,668	17,668
Giảm khác			573			573
Số dư tại 31/12/2015	400,000	-	-	24,762	45,862	470,624
Số dư tại 01/01/2016	400,000	-	-	24,762	45,862	470,624
Tăng trong năm	-	-	-	-	22,596	22,596
Lãi trong năm nay					22,596	22,596
Phân phối lợi nhuận						-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	6,879	6,879
Chia cổ tức						-
Trích lập các quỹ					6,879	6,879
Giảm khác						-
Số dư tại 30/09/2016	400,000	-	-	24,762	61,579	486,341

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	400,000,000,000	400,000,000,000
Trong đó :	400,000,000,000	400,000,000,000
+ Vốn góp của PTSC	218,773,000,000	218,773,000,000
+ Vốn góp của PVFC Capital	175,000,000,000	175,000,000,000
+ Vốn góp của đối tượng khác	6,227,000,000	6,227,000,000
Cộng	400,000,000,000	400,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tại ngày 01/01/2016	400,000,000,000	400,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 30/09/2016	400,000,000,000	400,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40,000,000	40,000,000
Cổ phiếu phổ thông	40,000,000	40,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000đ/cp	10.000đ/cp

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	316,585,332,341	605,749,806,900
Doanh thu bán hàng	2,103,742,268	80,821,579,760
Doanh thu cung cấp dịch vụ	314,481,590,073	524,928,227,140
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng	68,318,146,435	144,602,529,775
- Dịch vụ gia công cơ khí	177,627,638,560	120,004,220,214
- Dịch vụ Logistics	59,883,815,651	233,037,170,446
- Dịch vụ khác	8,651,989,427	27,284,306,705
Các khoản giảm trừ doanh thu.	-	-
Doanh thu thuần	316,585,332,341	605,749,806,900
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>316,585,332,341</i>	<i>605,749,806,900</i>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2,086,132,016	80,293,120,654
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	278,708,891,995	449,676,616,626
Trong đó:		
- Dịch vụ cảng	57,779,442,884	105,723,661,333
- Dịch vụ Logistics	57,682,270,801	210,614,447,463
- Dịch vụ gia công cơ khí	154,658,985,494	107,135,320,031
- Dịch vụ khác	8,588,192,816	26,203,187,799
Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng giảm giá HTK	-	-
Cộng	280,795,024,010	529,969,737,280

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	3,857,227,108	615,190,428
- Lãi CLTG đã thực hiện	386,556	5,592,528
Cộng	3,857,613,664	620,782,956

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	5,192,671,724	7,124,052,863
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,083,493,103	2,266,556,240
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,279,686,232	993,507,070
- Chi phí dự phòng	268,270,494	1,263,384,730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,585,522,346	1,871,192,369
- Chi phí khác	4,041,100,276	10,212,829,134
Cộng	15,450,744,175	23,731,522,406

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu từ bồi thường bảo hiểm	7,259,490	
- Thu nhập khác	54,227,393	5,379,422
Cộng	61,486,883	5,379,422

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế TNDN	5,773,998,699	12,632,318,161
- Thuế TNDN được miễn, giảm	4,330,499,024	9,710,493,027
- Điều chỉnh, bổ sung của năm trước	288,137,347	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,731,637,022	2,921,825,135
Tổng chi phí thuế TNDN	1,731,637,022	2,921,825,135

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32,126,658,896	112,335,484,136
- Chi phí nhân công	51,386,965,053	90,052,499,115
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	28,441,126,360	24,284,495,300
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	168,789,851,207	254,389,118,366
- Chi phí khác	15,286,086,648	73,950,283,613
Cộng	296,030,688,164	555,011,880,530

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số dư với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải trả khác	22,292,090,622	21,975,710,393
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	22,292,090,622	21,975,710,393

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải thu khác	56,693,359,718	15,515,603,897
Công ty Cơ khí Hàng hải PTSC&MC	1,825,499,038	3,999,000,170
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	49,669,268,319	11,516,603,727
CN Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự	1,622,362,984	-
Phải thu Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	3,576,229,377	-

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty chia làm năm bộ phận kinh doanh với các hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ Cảng và các dịch vụ có liên quan
Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Kinh doanh nhiên liệu phục vụ cho các nhà thầu thực hiện thi công nhà máy lọc dầu Nghi Sơn
Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ cơ khí phục vụ một số dự án thi công nhà máy lọc dầu Nghi Sơn
Dịch vụ Logistics	Dịch vụ Logistics thực hiện chuỗi từ thông quan, vận chuyển trên bờ cho các thiết bị của nhà máy lọc dầu
Cung cấp các dịch vụ khác	Cung cấp dịch vụ khác

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Khoản mục	Dịch vụ Căn cứ Cảng	Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ Logistics	Dịch vụ khác	Cộng
Tài sản	496,218,475,930	-	104,604,768,149	14,224,309,493	-	615,047,553,572
Tài sản bộ phận	496,218,475,930	-	104,604,768,149	14,224,309,493	-	615,047,553,572
Lãi từ Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả	68,141,496,926	-	43,015,424,498	17,548,957,871	-	128,705,879,295
Nợ phải trả bộ phận	68,141,496,926	-	43,015,424,498	17,548,957,871	-	128,705,879,295

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Doanh thu	Dịch vụ Căn cứ Cảng	Dịch vụ kinh doanh nhiên liệu	Dịch vụ cơ khí	Dịch vụ Logistics	Dịch vụ khác	Cộng
DT thuần từ bán hàng ra bên ngoài	68,318,146,435	2,103,742,268	177,627,638,560	59,883,815,651	8,651,989,427	316,585,332,341
DT thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	68,318,146,435	2,103,742,268	177,627,638,560	59,883,815,651	8,651,989,427	316,585,332,341
Lợi nhuận gộp bộ phận	10,538,703,551	17,610,252	22,968,653,066	2,201,544,850	63,796,611	35,790,308,331
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	5,625,463,556	6,852,066	8,936,994,848	856,610,743	24,822,961	15,450,744,175
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	3,855,623,258	-	-	-	-	3,855,623,258
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,913,239,996	10,758,186	14,031,658,218	1,344,934,106	38,973,650	20,339,564,156
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(94,305,539)	-	-	-	-	(94,305,539)
Lợi nhuận trước thuế	8,674,557,715	10,758,186	14,031,658,218	1,344,934,106	38,973,650	24,100,881,875
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	623,262,890	772,971	1,008,168,040	96,632,883	2,800,238	1,731,637,022
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp	(227,065,960)	-	-	-	-	(227,065,960)
Lợi nhuận trong năm	8,278,360,785	9,985,215	13,023,490,177	1,248,301,223	36,173,412	22,596,310,813

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HOÁ**

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. Thông tin so sánh

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	38.88	39.82
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	61.12	60.18
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	20.93	27.92
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79.07	72.08
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.86	1.43
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1.77	1.40
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	7.61	8.64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	7.14	8.16
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3.92	7.96
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	4.65	10.42

Thanh Hoá, ngày 13 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Văn Mạnh
Người lập



Nguyễn Hữu Hoàn
Phụ trách kế toán



Lê Văn Nga
Giám đốc